

DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm (02)	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	1
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	12
II	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (07)	
3	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	1
4	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	6
5	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.	9
6	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.	13
7	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	17
8	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	22
9	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	26
III	Lĩnh vực hóa chất (06)	
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	1

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	6
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	9
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	12
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	17
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	20
IV	Lĩnh vực xúc tiến thương mại (06)	
16	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	1
17	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	5
18	Thông báo hoạt động khuyến mại.	7
19	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại.	9
20	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	11
21	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	14
V	Lĩnh vực quản lý cạnh tranh (05)	
22	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương.	1
23	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.	6
24	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa	12

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
	cấp tại địa phương.	
25	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.	16
26	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp.	26
VI	Lĩnh vực công nghiệp nặng (01)	
27	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.	1
VII	Lĩnh vực công nghiệp địa phương (01)	
28	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.	1
VIII	Lĩnh vực điện (13)	
29	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện.	1
30	Cấp lại thẻ an toàn điện.	4
31	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện.	7
32	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.	10
33	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng.	12
34	Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương.	14
35	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương.	19
36	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MV đặt tại địa phương.	22
37	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MV đặt tại địa phương.	27

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
38	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.	30
39	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.	34
40	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương.	38
41	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương.	43
IX	Lĩnh vực Thương mại quốc tế (21)	
42	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.	1
43	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	8
44	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	11
45	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini.	13
46	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại.	20
47	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ² .	26
48	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính; tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ; loại hình của cơ sở bán lẻ; điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	30
49	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).	34

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
50	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).	41
51	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.	48
52	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	55
53	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	59
54	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	62
55	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí.	66
56	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.	70
57	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa.	74
58	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	78
59	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	83
60	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	89
61	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	93
62	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép.	97
X	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (27)	

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
63	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	1
64	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	10
65	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	17
66	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	21
67	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	24
68	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	27
69	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	31
70	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	34
71	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.	37
72	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.	42
73	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.	47
74	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	52
75	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	57
76	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	61
77	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	65

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
78	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	70
79	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	74
80	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.	78
81	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	81
82	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	86
83	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư, trồng cây thuốc lá.	89
84	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	92
85	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	95
86	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	98
87	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	101
88	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	105
89	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	109
XI	Lĩnh vực kinh doanh khí (24)	
90	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.	1
91	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.	5
92	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.	7
93	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.	10
94	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.	13

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
95	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.	15
96	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.	17
97	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.	20
98	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.	22
99	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.	24
100	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.	27
101	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.	29
102	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.	31
103	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.	34
104	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.	36
105	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.	39
106	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.	42
107	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.	45
108	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG.	47
109	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG.	51

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
110	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.	53
111	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.	56
112	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.	59
113	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.	61
XII	Lĩnh vực giám định thương mại (02)	
114	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại.	1
115	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại.	4
XIII	Lĩnh vực dầu khí (03)	
116	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³ .	1
117	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³ .	2
118	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³ .	11
XIV	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (02)	
119	Thủ tục thẩm định và điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.	1
120	Thủ tục thẩm định và điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.	6
XV	Quản lý Chất lượng công trình xây dựng (1)	
121	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng	1

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
	nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	